Số: 2115/QĐ-UBND; 08/11/2026; 9:43:13

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM XUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG & GPMB DỰ ÁN: XÂY DỰNG ĐƯỜNG, MƯƠNG THOÁT NƯỚC KHU DÂN CƯ VÙNG ĐỒNG MÁ THÔN THỌ SƠN, VÙNG ĐỀN CHÙA THÔN TRUNG THÀNH, VÙNG SÂN BÓNG THÔN ƯU TRÀNG (Đợt 4- Các hộ thôn Quang Sơn)

(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã Cẩm Xuyên)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Tổng S thửa đất	Tổng diện tích Thu hồi GPMB	Nguồn gốc thửa đất			Bồi thường về đất đai	Bồi thường Cây cối hoa màu	Hỗ trợ khác				Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
					Đất NN giao ổn định theo NĐ 64	Đất NN hộ khai hoang sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 đến nay	Đất nông nghiệp do UBND xã quản lý,hộ tạm giao sử dụng			Hỗ trợ CĐNN và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ thêm cho hộ gia đình chính sách theo điều 14 QĐ số 28/2026/QĐ-UBND ngày của UBND ngày 24/4/2026 tỉnh Hà Tĩnh	
1	Nguyễn Huy Sử - Trần Thị Liêu	'042167010117	373,6	373,6	373,6			23.985.120	2.615.000	64.759.824	10.800.000	1.494.000		**103.654.000**
2	Trần Huy Trọng - Trần Thị Minh	'042167008174	782,8	782,8	782,8			50.255.760	5.480.000	135.690.552	9.000.000	3.131.200		**203.558.000**
3	Trần Công Hán - Nguyễn Thị Thực	'042054005677	975,2	975,2	975,2			62.607.840	6.826.000	169.041.168	7.200.000	3.900.800		**249.576.000**
4	Trần Đình Biểu -Trần Thị Hồng	'042072019835	733,7	733,7	733,7			47.103.540	5.136.000	127.179.558	9.000.000	2.934.800		**191.354.000**
5	Trần Huy Trản - Nguyễn Thị Hoan	'042145003980	1177,5	1177,5	1177,5			75.595.500	8.243.000	204.107.850	7.200.000	4.710.000		**299.856.000**
6	Trần Đình Dũng - Trần Thị Minh	042059010844	2277,7	2277,7	2277,7			146.228.340	15.944.000	394.816.518	25.200.000	9.110.800		**591.300.000**
7	Nguyễn Văn Thái - Trần Thị Xuân	042064006302	736,2	736,2	736,2			47.264.040	5.153.000	127.612.908	18.000.000	2.944.800		**200.975.000**
8	Nguyễn Huy Lương - Nguyễn Thị Hương	042178005537	220,2	220,2		220,2		14.136.840	1.541.000	38.169.468	9.000.000	880.800		**63.728.000**
9	Nguyễn Huy Hiền - Trần Thị Xoan	042050004535	140,4	140,4		140,4		9.013.680	983.000	24.336.936	3.600.000	561.600		**38.495.000**
10	Trần Đình Tiến - Trần Thị Mai	042170011161	196,6	196,6		196,6		12.621.720	1.376.000	34.078.644	10.800.000	786.400		**59.663.000**
11	Nguyễn Huy Tượng - Nguyễn Thị Hương	042169012629	1150,1	1150,1	722,7		427,4	46.397.340	8.050.700	125.272.818	10.800.000	2.890.800		**193.412.000**
12	Nguyễn Văn Tỷ - Nguyễn Thị Hợi	042052004326	213,3	213,3		213,3		13.693.860	1.493.000	36.973.422	9.000.000	853.200		**62.013.000**
13	Trần Đình Nam - Phạm Thị Sương	042172011916	205,1	205,1		205,1		13.167.420	1.436.000	35.552.034	3.600.000	820.400		**54.576.000**
14	Nguyễn Như Tịnh - Trần Thị Kiều	042169015929	280,1	280,1	280,1			17.982.420	1.961.000	48.552.534	5.400.000	1.120.400		**75.016.000**
15	Trần Công Sỹ - Vợ đã mất	042032002849	702,9	702,9	488,6		214,3	31.368.120	4.920.000	84.693.924	3.600.000	1.954.400	3.000.000	**129.536.000**
16	Trần Đình Nông - Hoàng Thị Mậu	'042066013540	339,6	339,6		339,6		21.802.320	2.377.000	58.866.264	3.600.000	1.358.400		**88.004.000**

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD	Tổng S thửa đất	Tổng diện tích Thu hồi GPMB	Nguồn gốc thửa đất			Bồi thường về đất đai	Bồi thường Cây cối hoa màu	Hỗ trợ khác				Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
					Đất NN giao ổn định theo NĐ 64	Đất NN hộ khai hoang sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004 đến nay	Đất nông nghiệp do UBND xã quản lý,hộ tạm giao sử dụng			Hỗ trợ CĐNN và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ thêm cho hộ gia đình chính sách theo điều 14 QĐ số 28/2026/QĐ-UBND ngày của UBND ngày 24/4/2026 tỉnh Hà Tĩnh	
17	Nguyễn Huy Tình - Trần Thị Kiều	042062006759	223,5	223,5	223,5			14.348.700	1.565.000	38.741.490	5.400.000	894.000		**60.949.000**
18	Nguyễn Thị Bình - Trần Đình Duẫn	042181016796	650,1	650,1	650,1			41.736.420	4.551.000	112.688.334	7.200.000	2.600.400		**168.776.000**
19	Trần Đình Quyết - Trần Thị Huê	042070008826	499,6	499,6		499,6		32.074.320	3.497.000	86.600.664	7.200.000	1.998.400		**131.370.000**
20	Trần Đình Thân - Trần Thị Huệ	042178007262	226,8	226,8			226,8	0	1.588.000	0	0	0		**1.588.000**
21	Nguyễn Huy Tịch - Trần Thị Anh	042168012966	852,8	852,8	852,8			54.749.760	5.970.000	147.824.352	21.600.000	3.411.200		**233.555.000**
22	Trần Đình Huê - Trần Thị Huệ	042166008242	253,9	253,9			253,9	0	1.777.000	0	0	0		**1.777.000**
23	Trần Công Tiến - Nguyễn Thị Bân	042047005273	1320,5	1320,5	1320,5			84.776.100	9.244.000	228.895.470	7.200.000	5.282.000		**335.398.000**
24	Nguyễn Huy Tài - Nguyễn Thị Tâm	042071013943	495,2	495,2		495,2		31.791.840	3.466.000	85.837.968	7.200.000	1.980.800		**130.277.000**
25	Trần Thị Lân -	042168007906	419,7	419,7			419,7	0	2.938.000	0	0	0		**2.938.000**
26	Nguyễn Thị Huệ	'042185017041	424	424,0			424,0	0	2.968.000	0	0	0		**2.968.000**
	Tổng cộng			**15.871,1**	**11.595,0**	**2.310,0**	**1.966,1**	**892.701.000,0**	**111.098.700,0**	**2.410.292.700,0**	**201.600.000,0**	**55.619.600,0**	**3.000.000,0**	**3.674.312.000**

Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng: 3.674.312.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng*)